SAO Y; Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai; Thời gian ký: 19/10/2022 16:10:30 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 19 /CTr-UBND	*Lào Cai, ngày 30 tháng 9 năm 2022*

CHƯƠNG TRÌNH

Hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (gọi tắt là Nghị quyết 11) và Chương trình hành động số 160-CTr/TU ngày 30/9/2022 của Tỉnh ủy Lào Cai về triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị, UBND tỉnh Lào Cai ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết 11 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Chương trình hành động nhằm triển khai các nhiệm vụ chủ yếu trong Nghị quyết 96/NQ-CP; cụ thể hóa phương hướng, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được xác định trong Chương trình hành động số 160-CTr/TU ngày 30/9/2022 của Tỉnh ủy phù hợp với điều kiện, đặc thù của tỉnh Lào Cai, đưa Nghị quyết 11 của Chính phủ, Chương trình hành động của Tỉnh ủy đi vào cuộc sống.

2. Chương trình hành động là căn cứ để các sở, ngành, địa phương xây dựng chương trình hành động của sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải được tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, nỗ lực phấn đấu cao nhất để góp phần đưa Lào Cai trở thành cực tăng trưởng và trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam Trung Quốc theo định hướng của Nghị quyết 11.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy tiềm năng, lợi thế, huy động mọi nguồn lực, yếu tố con người để Lào Cai phát triển nhanh, bền vững, toàn diện; nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh dựa trên hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại. Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao chất lượng đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần, sức khỏe cho nhân dân; bảo tồn di sản văn hóa. Khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu. Quốc phòng - an ninh được bảo đảm

vững chắc; quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp uỷ, tổ chức đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền được nâng cao; khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường.

2. Mục tiêu đến năm 2030

- Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2030 phấn đấu đạt trên 10%/năm; Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: Nông, lâm thủy sản 7,7%, công nghiệp - xây dựng 50,6%, dịch vụ - thương mại 36,6%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 5,1%, GRDP bình quân đầu người đạt trên 260 triệu đồng/năm, thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt trên 145 triệu đồng. Phấn đấu tự cân đối ngân sách vào năm 2030; Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cả giai đoạn 2021 – 2030 đạt khoảng 750 ngàn tỷ đồng; Tổng lượt khách du lịch đến địa bàn là 15 triệu lượt người; Giá trị xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu đạt trên 15 tỷ USD.

- Về xã hội: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 1-1,2%/năm; Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia: 98%; Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt trên 80%; tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục THPT và tương đương đạt trên 90%; Số giường bệnh/1 vạn dân đạt 50 giường bệnh; số bác sỹ/1 vạn dân đạt 16,5 bác sỹ; Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới đạt 90% và huyện là 70%; Tỷ lệ giảm hộ nghèo theo chuẩn quốc gia giảm bình quân 2-3%/năm; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó tỷ lệ lao động đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 45%. Các thiết chế văn hóa trên địa bàn được kiện toàn, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân đạt trên 80. Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới trên 90% và huyện trên 70%. Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%.

- Về bảo vệ môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 60%; Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt tại các đô thị đạt 100%; tại khu dân cư nông thôn đạt trên 95%. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt trên 85%; 100% các khu, cụm công nghiệp mới hình thành được đầu tư đồng bộ hệ thống xử lý nước thải.

- Về quốc phòng - an ninh: Phấn đấu 100% xã, phường, thị trấn đạt cơ sở vững mạnh toàn diện.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Đến năm 2045, xây dựng Lào Cai phát triển toàn diện, xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; là tỉnh phát triển của cả nước với hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, hiện đại; tiềm năng, lợi thế được khai thác hiệu quả; nguồn nhân lực có chất lượng cao; bản sắc văn hoá các dân tộc được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 11.

- Tập trung triển khai công tác nghiên cứu, học tập, thực hiện nội dung Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, UBND tỉnh để tạo sự thống nhất trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng trung du và miền núi phía Bắc.

- Đổi mới tư duy phát triển và đẩy mạnh quyết tâm của các cấp, các ngành về nhiệm vụ xây dựng và phát triển vùng, nhất là về liên kết vùng, về quan hệ đối ngoại, về cơ chế chính sách đặc thù, về phân bổ nguồn lực, về nguồn nhân lực nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng, giải quyết các vấn đề trọng điểm quốc gia tại vùng, các vấn đề liên ngành, liên vùng.

- Định hướng các cơ quan báo chí, Cổng thông tin điện tử, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan xuất bản bản tin, hệ thống thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh tích cực tuyên truyền về nội dung, tình hình triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-TW trên địa bàn tỉnh; đồng thời, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thách thức, cũng như yếu tố tiềm năng, vị thế của vùng để tiếp tục tạo sự bứt phá của tỉnh Lào Cai nói riêng và vùng trung du và miền núi phía Bắc nói chung.

- Tăng cường vận động, tạo sự thống nhất, quyết tâm của cả hệ thống chính trị và nhân dân đoàn kết, đồng lòng, cùng chung khát vọng xây dựng tỉnh Lào Cai là tỉnh phát triển của vùng Trung du miền núi phía Bắc.

2. Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách, định hướng phát triển tỉnh gắn với tăng cường liên kết vùng

2.1. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết, đồng thời mở rộng hợp tác với địa phương khác trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi và theo đúng pháp luật; Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hành động chung theo các chương trình, dự án cụ thể, nhất là các lĩnh vực ưu tiên trên hành lang kinh tế Côn Minh – Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng, tập trung vào các lĩnh vực sau: Hợp tác xây dựng các công trình liên tỉnh, quy mô vùng (các trục giao thông, công trình thủy lợi...); Hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; Hoạt động lập, quản lý quy hoạch các khu đô thị, khu công nghiệp, các dự án đầu tư xây dựng, công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là môi trường nước; Nông, lâm nghiệp; Nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, chuyển giao kết quả các công trình nghiên cứu và ứng dụng,... Thường xuyên tăng cường, nâng cao chất lượng công tác tham mưu của Tổ điều phối của tỉnh Lào Cai giúp việc cho thành viên Hội đồng điều phối vùng.

2.2. Nghiên cứu, đề xuất Trung ương ban hành một số cơ chế, chính sách để thu hút thêm các nguồn lực cho phát triển, tập trung một số nội dung:

- Cơ chế, chính sách đặc thù để khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh trong phát triển kinh tế, hợp tác quốc tế với tỉnh Vân Nam, vùng Tây Nam (Trung Quốc) và ASEAN; tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng (*cơ chế cho thu hút đầu tư tại Khu du lịch Quốc gia Sa Pa; tạo nguồn lực phát triển kinh tế cửa khẩu...*).

- Cho phép tỉnh Lào Cai được thí điểm xây dựng Khu kinh tế qua biên giới theo định hướng tại Nghị quyết 11-NQ/TU.

- Sửa đổi, bổ sung chính sách tài chính, chính sách thuế; điều chỉnh tỷ lệ điều tiết nguồn thu từ các dự án thủy điện quan trọng, dự án khai thác khoáng sản và từ hoạt động xuất, nhập khẩu theo hướng tăng tỷ trọng nguồn thu để lại cho tỉnh.

- Triển khai xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế hợp tác song phương về quản lý, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới, khai thác bền vững nguồn nước trên các lưu vực sông quốc tế theo Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tỉnh chủ động ban hành giải pháp, chính sách thiết thực, phù hợp để gia tăng việc huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư (*Nguồn vốn ngân sách nhà nước, bao gồm cả vốn ODA, vốn ngoài ngân sách đặc biệt là vốn FDI...)* đáp ứng yêu cầu phát triển, mở rộng hợp tác, liên kết của tỉnh.

2.3. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ Quy hoạch phát triển tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo hướng xanh, bền vững và toàn diện; bảo đảm tích hợp, đa ngành, gắn kết giữa phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp và dịch vụ; giữa phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới; giữa phát triển kinh tế với quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; khai thác, phát huy tối ưu, hiệu quả các tiềm năng, lợi thế so sánh riêng có của tỉnh Lào Cai so với các địa phương khác trong vùng.

2.4. Phát triển hệ thống đô thị thông minh có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, bản sắc, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; kết nối Lào Cai với các đô thị lớn ở vùng đồng bằng sông Hồng thông qua các trục động lực, trục giao thông và hành lang kinh tế. Tích cực đôn đốc, kiến nghị tháo gỡ khó khăn đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành các dự án hạ tầng trọng yếu đẩy mạnh tính liên kết vùng nhằm phát triển kinh tế - xã hội như:

- Xây dựng Cảng hàng không Sa Pa giai đoạn 1 đạt tiêu chuẩn là cấp 4C, công suất 1,5 triệu hành khách/năm; nâng công suất và nâng cấp trở thành Cảng hàng không Quốc tế trước năm 2030.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thành đầu tư, nâng cấp cao tốc Nội Bài - Lào Cai, đoạn Lào Cai - Yên Bái với quy mô 04 làn xe; đầu tư

các tuyến đường vành đai theo quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

- Hoàn thành xây dựng cầu đường bộ qua sông Hồng tại xã Bản Vược, huyện Bát Xát và hạ tầng kỹ thuật nhằm kết nối các phân khu chức năng, tạo cơ sở xây dựng và hình thành Khu hợp tác kinh tế qua biên giới.

- Đề xuất sớm triển khai xây dựng, nâng cấp đoạn đường sắt kết nối khổ lồng 1.000 mm/1.435 mm giữa ga Phố Mới (Việt Nam) và ga Hà Khẩu Bắc (Trung Quốc); hoàn thành quy hoạch và đầu tư tuyến đường sắt điện khí hóa Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng...

- Đầu tư mới các tuyến giao thông quan trọng, mang tính kết nối giữa tỉnh Lào Cai và các tỉnh khác trong vùng, cũng như kết nối các địa phương trong tỉnh như: Tuyến đường mới kết nối Cảng hàng không Sa Pa với trung tâm thị xã Sa Pa, với Khu kinh tế cửa khẩu và các tỉnh lân cận; các đường vành đai biên giới; các cầu biên giới, cầu qua Sông Hồng…

- Đề xuất với Trung ương sớm nâng cấp, mở rộng tuyến Quốc lộ 70, Quốc lộ 4D, Quốc lộ 279 và Quốc lộ 4 đến năm 2030 đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV, tối thiểu 2 làn xe kết nối phát triển các vùng sản xuất nông lâm nghiệp và dịch vụ du lịch trong tỉnh và giữa tỉnh Lào Cai với các địa phương lân cận (Lai Châu, Yên Bái, Hà Giang, Phú Thọ).

2.5. Đẩy nhanh tiến độ nâng cấp, mở rộng các tuyến đường tỉnh, đường huyện và đường giao thông nông thôn; các tuyến đường tuần tra dọc biên giới giai đoạn 2022 - 2025, trong đó:

- Đường tỉnh: Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 156 thành quốc lộ từ Kim Thành - Ngòi Phát - Trịnh Tường - Tùng Sáng chạy dọc sông Hồng; Nâng cấp mở rộng tỉnh lộ 156B dài đoạn từ Kim Tân - Bản Vược - Bản Xèo; Tỉnh lộ 158 Km từ Tùng Sáng - A Mú Sung - A Lù - Y Tý - Dền Sáng - Sàng Ma Sáo; Tỉnh lộ 154 đoạn Bản Lầu – Na Lốc và phân đoạn các đường tỉnh khác.

- Đường giao thông nông thôn: Tập trung, ưu tiên đầu tư phát triển đường giao thông từ trung tâm xã tới các thôn bản biên giới để đảm bảo đến hết năm 2025 có 100% các xã biên giới hoàn thành tiêu chí giao thông theo tiêu chí mới.

- Đường tuần tra biên giới: Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các tuyến đường tuần tra dọc biện giới, Hiện nay còn một số đoạn tuyến đang được triển khai xây dựng do Bộ Tư lệnh Quân Khu 2 làm chủ đầu tư, dự kiến đến hết 2025 toàn bộ tuyến đường được hoàn thành sẽ tạo thành hệ thống đường giao thông khép kín, đảm bảo kết nối giao thông dọc các thôn bản biên giới.

3. Phát triển nhanh và bền vững kinh tế vùng

3.1. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tỉnh Lào Cai đạt mức cao hơn bình quân chung cả nước; từng bước đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh chuyển đổi số; thúc đẩy đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Chủ động xây dựng các nghị quyết, đề án, kế hoạch phát triển từng ngành, lĩnh vực trong đó xác định những nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm, điều chỉnh hợp lý chiến lược các ngành, lĩnh vực kinh tế; ưu tiên nguồn lực cho phát triển xanh gắn với Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh.

3.2. Phát triển toàn diện các ngành, lĩnh vực trên cơ sở khai thác tối ưu tiềm năng, lợi thế của địa phương:

- Phát triển công nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, trong đó tập trung chế biến sâu ngành công nghiệp khai khoáng, bảo đảm cung cấp ổn định nguyên liệu cho chuỗi sản xuất công nghiệp trong nước nhất là các loại khoáng sản có trữ lượng lớn (*Apatit, Đồng, Sắt*); nghiên cứu phương án khai thác, chế biến hiệu quả đất hiếm. Phấn đấu giá trị sản xuất công nghiệp đến năm 2030 đạt trên 100.000 tỷ đồng.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, hiện đại: Khai thác tiềm năng, lợi thế đồng thời thúc đẩy chuyển đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - kỹ thuật để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa; xây dựng thương hiệu một số nông sản chủ lực của tỉnh theo Nghị quyết 10-NQ/TU ngày 21/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Chủ động đề xuất, xây dựng thí điểm một số mô hình quản lý rừng bền vững dựa vào cộng đồng, trong đó đẩy nhanh việc đề xuất thực hiện các chương trình, dự án tham gia cơ chế trao đổi và cấp tín chỉ các-bon rừng; gia nhập sớm thị trường các-bon để phát huy ngay tiềm năng, lợi thế về tài nguyên rừng của tỉnh.

- Phát triển dịch vụ, kinh tế cửa khẩu: Phát triển Lào Cai trở thành một trung tâm dịch vụ kinh tế cửa khẩu trên hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; đóng vai trò quan trọng trong giao thương hàng hóa giữa Việt Nam và các nước ASEAN với Trung Quốc; xây dựng Lào Cai thành trung tâm Logistic quan trọng của cả nước, có mạng lưới hạ tầng, dịch vụ đồng bộ, hiện đại; có năng lực trung chuyển, điều phối hàng hóa giữa các nước ASEAN với thị trường Tây Nam - Trung Quốc trong đó "*Cao tốc Hà Nội - Lào Cai là trục kết nối; Cảng hàng không Sa Pa là lực đẩy phát triển; Tuyến đường sắt Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai là động lực tăng trưởng*".

- Phát triển du lịch: Xây dựng Lào Cai trở thành hạt nhân du lịch của vùng và cả nước, có hệ thống cơ sở hạ tầng và dịch vụ du lịch đồng bộ, hiện đại, giàu bản sắc văn hóa, trở thành trung tâm nghỉ dưỡng sinh thái cạnh tranh được với các trung tâm du lịch lớn trong nước và khu vực, đáp ứng các tiêu chuẩn du lịch quốc gia và quốc tế; phát huy vai trò cầu nối du lịch quan trọng, thực hiện liên kết, điều tiết khách quốc tế đến vùng và cả nước. Khai thác hiệu quả Cảng hàng không Sa Pa gắn với xây dựng đồng bộ trụ cột là Khu du lịch Quốc gia Sa Pa; bảo đảm đủ năng lực đón 15 đến 20 triệu du khách vào năm 2030.

3.3. Cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành

chính một cách thực chất; tăng cường thu hút nguồn lực đầu tư từ khu vực kinh tế tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài. Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách Nhà nước cho các dự án quan trọng, cấp thiết, kết hợp với huy động các nguồn lực trong xã hội; thúc đẩy đầu tư theo hình thức đối tác công tư các công trình trọng điểm tạo sức lan tỏa, tăng khả năng kết nối nội tỉnh và liên tỉnh.

3.4. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, đất đai bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, coi đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Xử lý hiệu quả, triệt để chất thải tại các Khu công nghiệp, trọng tâm là Khu công nghiệp Tằng Loỏng. Đầu tư hoàn thiện, hiện đại hóa, chuyển đổi số đối với mạng lưới các trạm dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, thiên tai và biến đổi khí hậu. Bảo vệ nghiêm ngặt nước đầu nguồn, bảo đảm an toàn hồ chứa tại các dòng sông lớn trên địa bàn.

4. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân

4.1. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực người dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục rà soát quy hoạch lại mạng lưới trường, lớp; củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông bán trú, trường phổ thông nội trú.

- Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học cho Trường cao đẳng nghề và Phân hiệu Đại học Thái Nguyên. Sắp xếp lại và đổi mới cơ chế hoạt động các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững.

- Tập trung thực hiện một số Chương trình/dự án phát triển đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh: Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 07/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chiến lược phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghiên cứu xây dựng Đề án về vấn đề việc làm trong bối cảnh CMCN 4.0, trọng tâm là việc làm khu vực biên giới, đồng bào dân tộc thiểu số để kịp thời kiến nghị với Trung ương các cơ chế, chính sách phù hợp và chủ động đưa ra các giải pháp nhằm giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động.

4.2. Tập trung nguồn lực thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường chăm lo người có công, công tác bảo trợ xã hội; gắn công tác giảm nghèo với xây dựng nông thôn mới.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại, kết nối với đô thị, nhất là các khu vực ven đô thị trung tâm, thị trấn, thị tứ; từng bước tiệm cận về điều kiện hạ tầng, dịch vụ của đô thị.

- Triển khai, thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trên cơ sở lồng ghép nguồn lực của các Chương trình mục tiêu Quốc gia. Tập trung hỗ trợ các đối tượng là hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, trọng tâm là các xã có tỷ

lệ hộ nghèo cao; triển khai có hiệu quả các chính sách khuyến khích phát triển, sản xuất nông nghiệp hàng hóa; giải quyết việc làm.

- Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hoá, bảo đảm thực chất. Rà soát, đánh giá hiện trạng xây dựng nông thôn mới tại các đơn vị cấp huyện phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và giái đoạn 2026-2030; duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí của các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Tập trung chỉ đạo, xây dựng kế hoạch đầu tư cho các xã phấn đấu hoàn thành nông thôn mới đến năm 2030.

4.3. Kiện toàn hệ thống tổ chức y tế địa phương; xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở, tăng cường năng lực y tế dự phòng và phòng, chống dịch.

- Phát triển các bệnh viện theo hướng hiện đại và đa chức năng; thành lập các trung tâm chuyên sâu tại Bệnh viện tuyến tỉnh, khu dịch vụ kỹ thuật cao, khám chữa bệnh theo yêu cầu tại hệ thống bệnh viện. Xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đạt hạng I và duy trì chuẩn quốc gia về y tế dự phòng. Các đơn vị dự phòng còn lại, các đơn vị y tế tuyến huyện tối thiểu đạt hạng 2. Đầu tư nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở.

- Phát triển dịch vụ kỹ thuật y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; phát triển y tế dự phòng, nâng cao sức khoẻ nhân dân; đẩy mạnh phát triển vùng trồng và công nghiệp dược liệu; tăng cường quản lý chất lượng thuốc, nhất là tại khu vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

4.4. Ưu tiên bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích cấp Quốc gia, di tích lịch sử cách mạng, các di sản văn hóa tiêu biểu đặc trưng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tập trung xây dựng và nâng cấp các sản phẩm du lịch mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc của tỉnh mang tầm quốc gia, quốc tế; đầu tư các khu vui chơi giải trí, trung tâm tập luyện, thi đấu thể thao hiện đại có khả năng tổ chức các chương trình, sự kiện thể thao của vùng và cả nước. Tiếp tục đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, nhất là tại khu vực nông thôn, vùng cao.

4.5. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến giáo dục pháp luật, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân tuân thủ các quy định của Nhà nước trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo; kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân.

5. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh

5.1. Tổ chức thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị, Đề án của Trung ương, của Tỉnh ủy về quốc phòng, an ninh; về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đặc biệt là các nội dung liên quan đến phòng thủ dân sự, bảo vệ biên giới quốc gia, bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, bảo vệ an ninh kinh tế trong điều kiện hội nhập quốc tế…

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và

nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị; gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc; phát huy tốt vai trò người có uy tín, chức sắc tôn giáo trong vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách pháp luật, bảo đảm an ninh, trật tự ở địa phương.

5.2. Hợp tác chặt chẽ với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc về quốc phòng, an ninh, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định và cùng nhau phát triển:

- Tăng cường hợp tác toàn diện giữa lực lượng Công an, Biên phòng của tỉnh Lào Cai và các lực lượng tương ứng của tỉnh Vân Nam, Trung Quốc trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, đấu tranh phòng, chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

- Triển khai thực hiện tốt các văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc; các văn bản của Ủy ban Biên giới quốc gia và của Phân ban Việt Nam về công tác quản lý biên giới, phát triển cửa khẩu.

- Tích cực, chủ động trao đổi với các địa phương của tỉnh Vân Nam, Trung Quốc để khảo sát, ký biên bản hội đàm về xây dựng kè bảo vệ đối với các khu vực bờ sông, suối biên giới của tỉnh có nguy cơ sạt lở để trình cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn.

- Xây dựng tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai với nhân dân tỉnh Vân Nam - Trung Quốc.

5.3. Tiếp tục quan tâm đầu tư và triển khai việc sắp xếp, bố trí dân cư trên tuyến biên giới; đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ mốc giới, đường tuần tra và các công trình lưỡng dụng khu vực biên giới; phối hợp với Quân khu II phát huy hiệu quả các khu kinh tế - quốc phòng.

5.4. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, chủ động phòng ngừa, đấu tranh và kiên quyết làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình" bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

- Phát huy vai trò người có uy tín, chức sắc tôn giáo trong giải quyết các vấn đề phức tạp, nảy sinh; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn xã hội và các loại tội phạm.

- Xây dựng lực lượng, củng cố tổ chức bộ máy Công an thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại có tổ chức bộ máy tinh, gọn, mạnh; đội ngũ cán bộ, chiến sỹ tinh nhuệ, đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, cơ cấu hợp lý đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, Nhà nước về công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về trật tự, an toàn xã hội, tăng cường quản lý cư trú, các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an

ninh, trật tự, kiểm soát chặt chẽ việc quản lý, sử dụng, vận chuyển vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; làm tốt công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

- Tăng cường lực lượng, phương tiện, chủ động, kiên quyết tấn công trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội, kéo giảm tội phạm; nâng cao hiệu quả công tác điều tra phá án hằng năm đạt tỷ lệ trên 80%, trong đó đó án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt tỷ lệ trên 90%; tập trung chuyển hóa các địa bàn phức tạp về an ninh, trật tự; phát hiện, ngăn chặn các dấu hiệu đan xem, chuyển hóa giữa tội phạm hình sự, ma túy, công nghệ cao, môi trường.

- Triển khai lực lượng, phương tiện, biện pháp bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các cơ quan đầu não, các bộ phận thiết yếu, cơ mật quan trọng; các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng; hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước; các đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc tại Lào Cai.

- Xây dựng và tổ chức luyện tập, diễn tập phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự, phòng, chống biểu tình, phá rối an ninh, bạo loạn, khủng bố... không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền

6.1. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy để tinh gọn tổ chức bên trong các cơ quan hành chính theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Trung ương; tiếp tục đẩy mạnh cơ chế tự chủ theo yêu cầu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Trung ương theo hướng:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu: quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, khuyến khích các đơn vị nâng cao mức độ tự chủ về tài chính theo lộ trình tự chủ.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập khác (không cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu): Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ theo hướng tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên và chuyển đổi thành Công ty cổ phần khi đáp ứng đủ điều kiện.

6.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp bảo đảm chất lượng, số lượng, cơ cấu hợp lý, có sự chuyển giao, kế thừa chặt chẽ giữa các thế hệ. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện lớp cán bộ kế cận, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Tăng cường tuyên truyền, vận động tạo sự thống nhất, quyết tâm của cả hệ thống chính trị và nhân dân đoàn kết, đồng lòng khát vọng xây dựng tỉnh Lào Cai là tỉnh phát triển của vùng Trung du miền núi phía Bắc. Phát huy hiệu quả và chất lượng hoạt động của các mô hình tự quản tại cộng đồng dân cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị; phát huy cao độ truyền thống văn hóa, cách mạng; sự cần cù và ý chí tự lực, tự cường của nhân dân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai Chương trình hành động này với lộ trình cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và tình hình thực tế của địa phương, đơn vị; bảo đảm đồng bộ, khả thi, xác định đúng nhiệm vụ trọng tâm, rõ lộ trình, trách nhiệm, linh hoạt các giải pháp để triển khai thực hiện có hiệu quả. Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm định kỳ hàng năm (trước ngày 01 tháng 12) báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Chương trình hành động (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư).

2. Các đồng chí Thường trực UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc các sở, ngành, địa phương được phân công phụ trách xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hành động; kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung thực hiện; tổng hợp báo cáo các nội dung Chương trình hành động theo định kỳ hàng năm (trước ngày 10 tháng 12), gửi UBND tỉnh.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp các cơ quan, địa phương làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, tạo đồng thuận xã hội, phát huy tinh thần nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân để phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai đã đề ra để triển khai thực hiện Nghị quyết 11./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT.TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- BCSĐ UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VP: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Lào Cai;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, các CV, TH4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Trịnh Xuân Trường

Phụ lục 1

MỤC TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 11-NQ/TW NGÀY 10/02/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Chương trình hành động số: 19 /CTr-UBND ngày 30/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Nội dung	Đơn vị	Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	VỀ KINH TẾ			
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2030	%	10%/năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Cơ cấu kinh tế đến năm 2030			
	Trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	7,7	Sở Kế hoạch và Đầu tư
	Công nghiệp - xây dựng	%	50,6	Sở Kế hoạch và Đầu tư
	Dịch vụ	%	36,6	Sở Kế hoạch và Đầu tư
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	5,1	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	GRDP bình quân đầu người	triệu đồng	260	Cục Thống kê
4	Thu nhập bình quân đầu người	triệu đồng	145	Cục Thống kê
5	Tổng thu ngân sách nhà nước đến năm 2030	nghìn tỉ đồng	Tự cân đối ngân sách	Sở Tài chính
6	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	nghìn tỷ đồng	750	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	Tổng lượt khách du lịch đến địa bàn	triệu lượt người	15	Sở Du lịch
8	Giá trị xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu	tỷ USD	15	Sở Công Thương
	VỀ XÃ HỘI			
9	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1-1,2	Sở Y tế
10	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia	%	98	Sở Công Thương
11	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	80	Sở Giáo dục và Đào tạo
12	Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục THPT và tương đương	%	90	Sở Giáo dục và Đào tạo
13	Số giường bệnh/1 vạn dân	Giường	50	Sở Y tế

STT	Nội dung	Đơn vị	Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
14	Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ	16,5	Sở Y tế
15	Tỷ lệ giảm hộ nghèo theo chuẩn quốc gia	%	2-3/năm	Sở Lao động - TBXH
16	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	80	Sở Lao động - TBXH
	Trong đó: Tỷ lệ lao động đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	*%*	*45*	*Sở Lao động - TBXH*
17	Các thiết chế văn hóa trên địa bàn được kiện toàn, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân	%	80	Sở Văn hóa và Thể thao
18	Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới	%	90	Sở Nông nghiệp và PTNT
	Tỷ lệ huyện đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới	%	70	Sở Nông nghiệp và PTNT
	VỀ MÔI TRƯỜNG			
19	Tỉ lệ che phủ rừng	%	60	Sở Nông nghiệp và PTNT
20	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới đến năm 2030	%	80	Sở Tài nguyên và môi trường
21	Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt tại các đô thị	%	100	Sở Tài nguyên và môi trường
22	Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt tại khu dân cư nông thôn	%	95	Sở Tài nguyên và môi trường
23	Các khu, cụm công nghiệp mới hình thành được đầu tư đồng bộ hệ thống xử lý nước thải	%	100	Sở Công Thương
	VỀ QUỐC PHÒNG AN NINH			
24	Các xã, phường, thị trấn đạt cơ sở vững mạnh toàn diện	%	100	Công an tỉnh

Ghi chú: Kỳ đánh giá hàng năm, 5 năm và cuối kỳ

Phụ lục 2

CÁC NỘI DUNG, NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 11-NQ/TW NGÀY 10/02/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Chương trình hành động số: 19 /CTr-UBND ngày 30 /9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Nội dung, nhiệm vụ triển khai	Cơ quan chủ trì, phối hợp, thực hiện		Tiến độ thực hiện		
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030	Định hướng đến năm 2045
1	Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 11	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý IV/2022	Nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp	Nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp
2	Chủ động phối hợp, hợp tác với các cơ quan thông tấn, báo chí để tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết 11-NQ/TW; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ; Chương trình hành động của Tỉnh ủy, UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý IV/2022	Nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp	Nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp
3	Xây dựng Đề án đưa Lào Cai trở thành trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam Trung Quốc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở: Công Thương; Du lịch, Ngoại vụ và các sở, ngành, UBND thị xã, thành phố có liên quan	Quý I/2023	Đánh giá theo từng năm	Nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp
4	Tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đánh giá theo từng năm	Đánh giá theo từng năm	Đánh giá theo từng năm

STT	Nội dung, nhiệm vụ triển khai	Cơ quan chủ trì, phối hợp, thực hiện		Tiến độ thực hiện		
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030	Định hướng đến năm 2045
5	Triển khai các bước xây dựng Đề án Khu hợp tác qua biên giới tại Lào Cai	Sở Công Thương	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Ngoại vụ, Ban Quản lý khu kinh tế và các sở, ngành, UBND thị xã, thành phố có liên quan	2023-2025	Đánh giá theo từng năm	Nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp
6	Ký kết hợp tác với các tỉnh trong vùng về một số lĩnh vực *(Giao thương kinh tế, thương mại; Du lịch; Phát triển hạ tầng giao thông, thương mại dịch vụ kinh tế cửa khẩu; Nông nghiệp...)* .	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023	Đánh giá theo từng năm	Nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp
7	Xây dựng và hoàn thành phê duyệt các quy hoạch lớn (Điều chỉnh Quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu; Khu du lịch quốc gia Sa Pa; các đồ án trong quy hoạch trục dọc Sông hồng, phát triển du lịch, …).	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	Đánh giá theo từng năm	Nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp
8	Đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm, có tính liên kết					
-	Đề xuất nâng cấp, mở rộng tuyến Quốc lộ 70, Quốc lộ 4D và Quốc lộ 4 đến năm 2030 đạt tiêu chuẩn đường cấp III, tối thiểu 2 làn xe	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023		

STT	Nội dung, nhiệm vụ triển khai	Cơ quan chủ trì, phối hợp, thực hiện		Tiến độ thực hiện		
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030	Định hướng đến năm 2045
-	Đẩy nhanh tiến độ nâng cấp, mở rộng các tuyến đường tỉnh, đường huyện và đường giao thông nông thôn	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2028		
-	Đầu tư và triển khai việc sắp xếp, bố trí dân cư trên tuyến biên giới; đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ mốc giới, đường tuần tra và các công trình lưỡng dụng khu vực biên giới	Sở Nông nghiệp và PTNT; Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030		
-	Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thành đầu tư, nâng cấp cao tốc Nội Bài - Lào Cai, đoạn Lào Cai - Yên Bái	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025		
-	Xây dựng Cảng hàng không Sa Pa giai đoạn 1 đạt tiêu chuẩn là cấp 4C	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025		
-	Xây dựng cầu đường bộ qua sông Hồng tại xã Bản Vược, huyện Bát Xát	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025		
-	Nâng cấp tuyến đường thủy Việt Trì - Yên Bái - Lào Cai	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố		2026-2030	

STT	Nội dung, nhiệm vụ triển khai	Cơ quan chủ trì, phối hợp, thực hiện		Tiến độ thực hiện		
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030	Định hướng đến năm 2045
-	Triển khai xây dựng đường sắt kết nối khổ lồng 1.000 mm/1.435 mm giữa ga Phố Mới và ga Hà Khẩu Bắc (Trung Quốc); hoàn thành quy hoạch và đầu tư tuyến đường sắt điện khí hóa Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng.	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023-2030		
-	Tuyến đường mới kết nối Cảng hàng không Sa Pa với trung tâm thị xã Sa Pa, với Khu kinh tế cửa khẩu và các tỉnh lân cận	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023-2025		
-	Xây dựng tuyến đường vành đai biên giới Bản Vược - Trịnh Tường, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023-2025		
-	Xây dựng hệ thống Cầu qua Sông Hồng	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2028		
9	Cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính một cách thực chất; tăng cường thu hút nguồn lực đầu tư từ khu vực kinh tế tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023-2025		
10	Thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị, Đề án của Trung ương, của Tỉnh ủy về quốc phòng, an ninh; về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	Hàng năm	

STT	Nội dung, nhiệm vụ triển khai	Cơ quan chủ trì, phối hợp, thực hiện		Tiến độ thực hiện		
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030	Định hướng đến năm 2045
11	Theo dõi, đôn đốc, định kỳ báo cáo tiến độ; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình hành động của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	Hàng năm	
12	**Các nhiệm vụ,giải pháp khác:** Căn cứ vào từng nội dung của Chương trình hành động của UBND tỉnh, các sở, ngành và địa phương tiếp tục đẩy mạnh triển khai các Nghị quyết, đề án đã ban hành; đồng thời rà soát theo chức năng và nhiệm vụ được giao để xây dựng kế hoạch triển khai cho phù hợp, nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị ở mức cao nhất.	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố		Đánh giá theo từng năm	Đánh giá theo từng năm	Nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp